

NGHỊ QUYẾT

**Quy định hỗ trợ kinh phí cho sinh viên nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào,
Vương quốc Campuchia học tập tại các cơ sở đào tạo trực thuộc
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định chế độ hỗ trợ kinh phí cho lưu học sinh Lào, Campuchia học tập tại
các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra
của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 119/BC-UBND
ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình,
làm rõ một số nội dung trình Kỳ họp thứ mười chín, Hội đồng nhân dân tỉnh
Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định hỗ trợ kinh phí cho sinh viên nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào,
Vương quốc Campuchia không thuộc diện Hiệp định (sau đây gọi chung là
lưu học sinh) tham gia chương trình đào tạo dài hạn (hệ đào tạo cao đẳng
theo quy định bao gồm cả khóa học dự bị tiếng Việt để thi tuyển hoặc xét tuyển
vào hệ này) tại các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Lưu học sinh học tập tại các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Các cơ sở đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên được giao nhiệm vụ và chỉ tiêu đào tạo lưu học sinh theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Lưu học sinh được hỗ trợ kinh phí 01 người/01 khóa học. Lưu học sinh đã và đang được hưởng các chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng của Chính phủ Việt Nam, các địa phương và các cơ quan, tổ chức khác của Việt Nam từ ngân sách nhà nước thì không được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Lưu học sinh phải cam kết với cơ sở đào tạo thực hiện nghiêm túc việc học tập theo đúng chương trình đào tạo được phê duyệt.

3. Đối với trường hợp lưu học sinh không được tiếp tục hưởng kinh phí hỗ trợ:

a) Lưu học sinh vượt quá thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định (không bao gồm thời gian bảo lưu kết quả học tập).

b) Lưu học sinh tự thôi học hoặc bị buộc thôi học do vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy chế của cơ sở đào tạo. Các trường hợp này có nghĩa vụ hoàn trả lại kinh phí đã được hỗ trợ.

c) Cơ sở đào tạo căn cứ tình hình thực tế và quy định hiện hành xác định thời điểm dừng hỗ trợ, nội dung, số kinh phí cần thu hồi.

4. Cơ sở đào tạo lập dự toán, thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết này và các quy định có liên quan.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cơ sở đào tạo

1. Nội dung

a) Chi thường xuyên: Bao gồm các khoản chi phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập, trong đó bao gồm cả chi phí biên dịch, biên dịch tài liệu (nếu có); chi hỗ trợ tiền ở cho lưu học sinh.

b) Các khoản chi một lần cho cả khóa học: Bao gồm các khoản chi hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, thực hành và trang thiết bị phục vụ sinh hoạt của lưu học sinh ở tại ký túc xá; chi tham quan; chi làm hồ sơ thủ tục nhập học; chi tổng kết, kết thúc khóa học và bảo vệ luận văn tốt nghiệp; chi phí gia hạn thị thực trong trường hợp thời gian thị thực được cấp ngắn hơn thời gian khóa học; chi tặng phẩm, chi khen thưởng cho lưu học sinh có thành tích cao trong học tập, rèn luyện tại cơ sở đào tạo; chi đón và tiễn ở sân bay tại Việt Nam.

c) Chi khác: Chi khám bệnh tổng thể đầu khóa học; chi khám bệnh tổng thể định kỳ hằng năm; chi mua bảo hiểm y tế; chi hỗ trợ nhân ngày Quốc khánh Việt Nam và Quốc khánh nước bạn, Tết cổ truyền Việt Nam và Tết cổ truyền nước bạn.

2. Mức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ: 3.100.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với từng nội dung chi cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này: Áp dụng theo mức chi quy định của cơ sở đào tạo, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tổng các khoản chi không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Trường hợp cơ sở đào tạo chi cao hơn mức hỗ trợ theo quy định thì phải sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác của cơ sở đào tạo để bù đắp.

3. Thời gian hỗ trợ: Tính theo tháng học thực tế, không vượt quá chương trình đào tạo được phê duyệt của cơ sở đào tạo.

Điều 5. Hỗ trợ sinh hoạt phí

1. Nội dung: Hỗ trợ sinh hoạt phí gồm tiền tiêu vặt và tiền ăn do cơ sở đào tạo cấp cho lưu học sinh.

2. Mức hỗ trợ: 3.700.000 đồng/người/tháng.

3. Thời gian hỗ trợ: Tính theo tháng học thực tế, không vượt quá chương trình đào tạo được phê duyệt của cơ sở đào tạo. Trường hợp cơ sở đào tạo bố trí tháng học thực tế dưới 15 ngày thì được hỗ trợ bằng $\frac{1}{2}$ mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này; đủ 15 ngày trở lên thì được hỗ trợ bằng mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Hỗ trợ trang cấp cá nhân ban đầu

1. Nội dung

a) Kinh phí hỗ trợ trang cấp cá nhân ban đầu được cấp qua cơ sở đào tạo để hỗ trợ cho lưu học sinh.

b) Hỗ trợ trang cấp cá nhân ban đầu được cơ sở đào tạo cấp một lần cho một lưu học sinh trong cả khóa học bao gồm quần áo, cặp sách, chăn màn, chậu rửa và các vật dụng cần thiết khác. Trường hợp bị mất hoặc hư hỏng, lưu học sinh không được cấp lại.

c) Lưu học sinh đã được hỗ trợ trang cấp cá nhân ban đầu khi sang học tiếng Việt để thi tuyển, xét tuyển thì không được hỗ trợ trang cấp cá nhân ban đầu khi vào học hệ chính thức.

2. Mức hỗ trợ: 5.380.000 đồng/người/khóa học.

Điều 7. Hỗ trợ chi phí đi lại

1. Nội dung: Kinh phí hỗ trợ chi phí đi lại do cơ sở đào tạo cấp cho lưu học sinh.

2. Mức hỗ trợ: 4.000.000 đồng/người/khóa học.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Ngân sách cấp tỉnh.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Báo cáo);
- Bộ Ngoại giao (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH
Phạm Hoàng Sơn